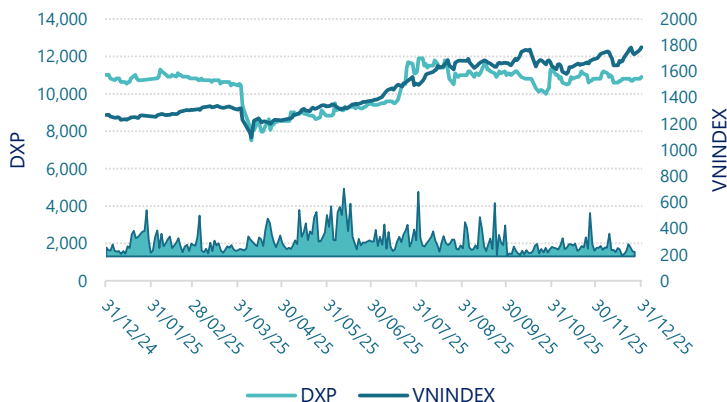




CTCP Cảng Đoạn Xá (HNX: DXP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,501
SL cổ phiếu LH	59,910,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)	235,620
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	653
P/E	5.5
EPS	1,976

DT thuần

Q4/25

280

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 106| 61.0%

YoY: ▲ 96.0| 52.2%

LN sau thuế

Q4/25

43.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.2| 48.9%

YoY: ▲ 25.9| 150%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

22.3%

+/- YoY: ▲ 12.1%

DT thuần

2025

702

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.0| 3.0%

LN sau thuế

2025

119

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 65.2| 121%

ROE

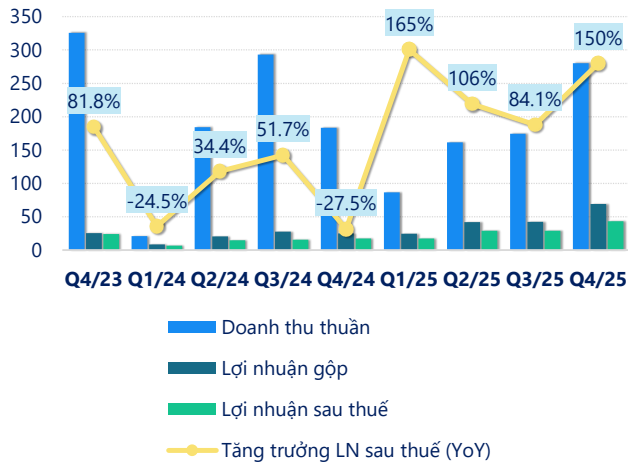
2025

13.1%

+/- YoY: ▲ 6.7%

tỷ VNĐ

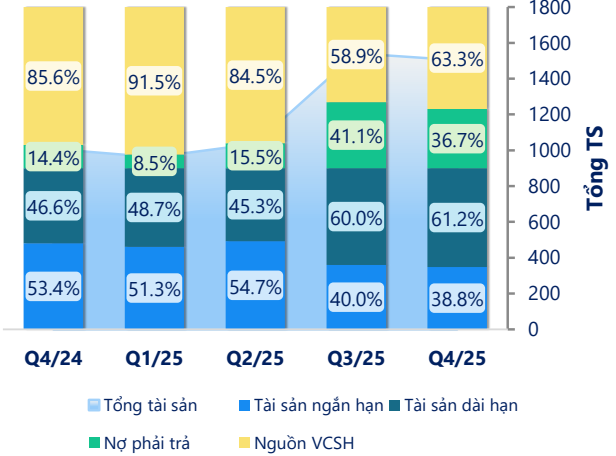
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

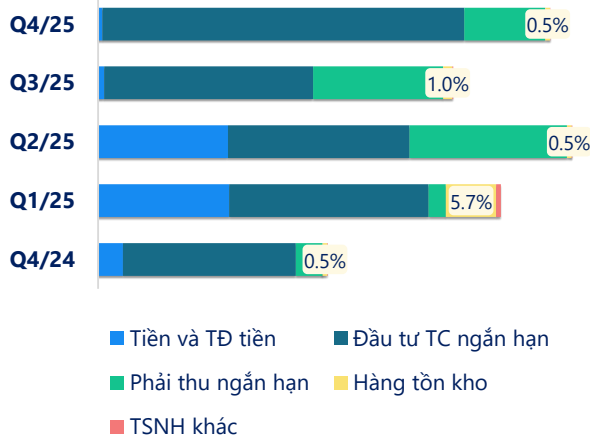
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



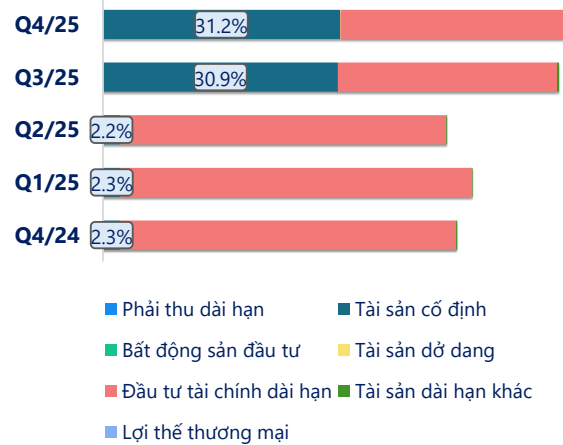
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

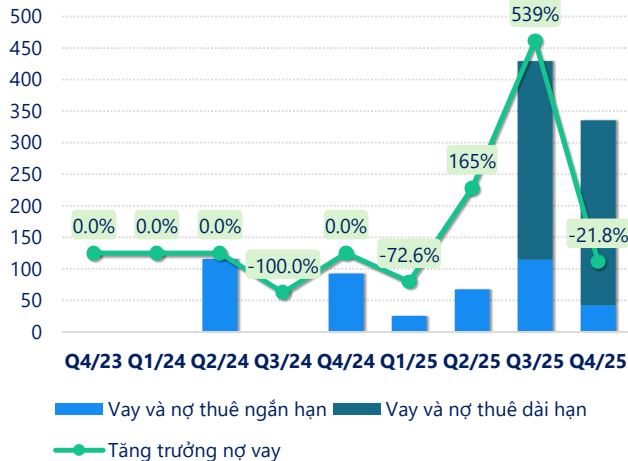
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

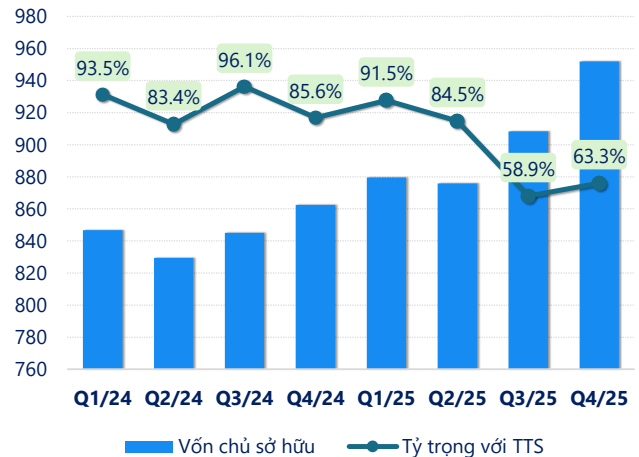
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

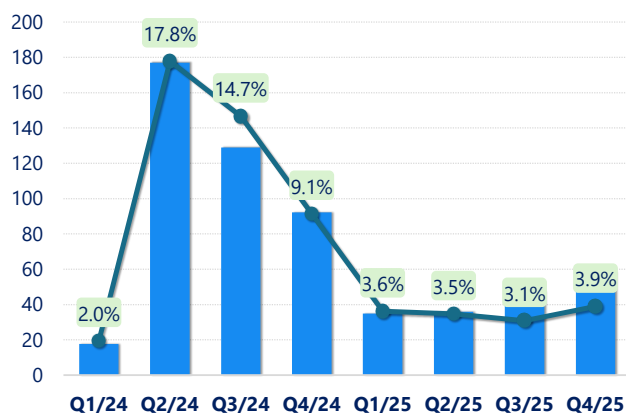
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

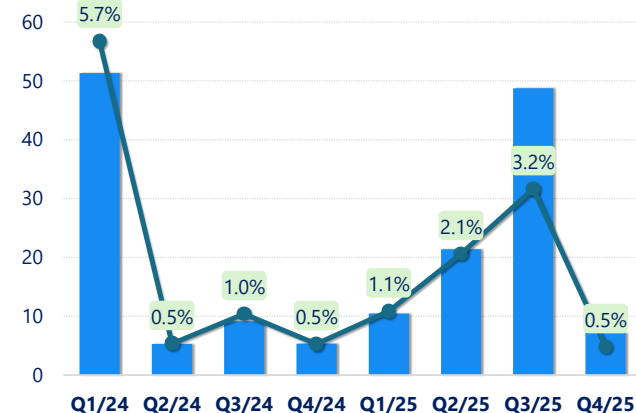
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


Phải thu ngắn hạn Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

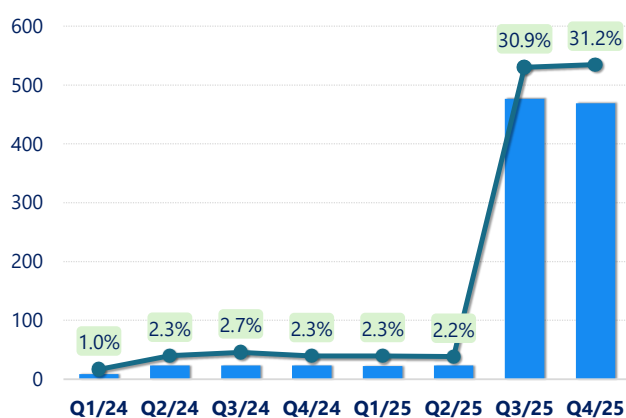
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


Hàng tồn kho Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

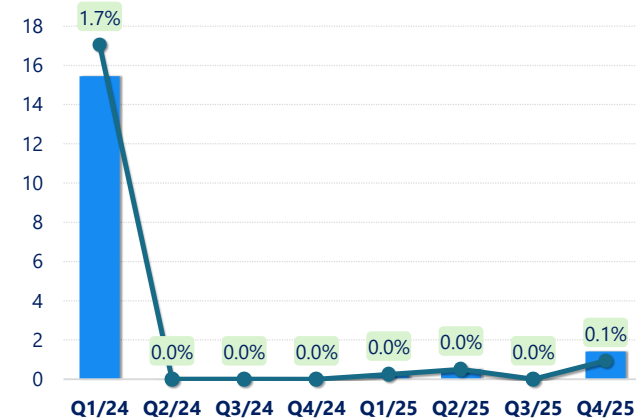
tỷ VNĐ

Tài sản cố định


Tài sản cố định Tỷ trọng với TTS

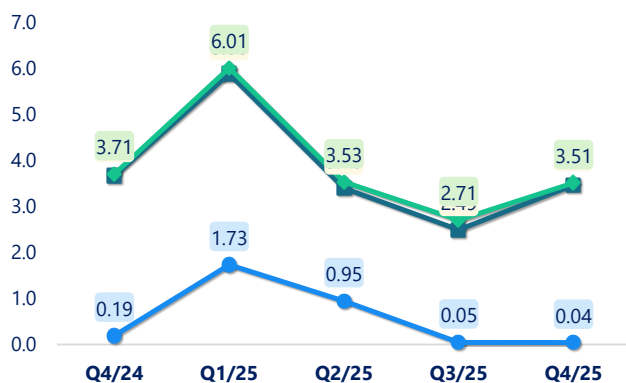
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


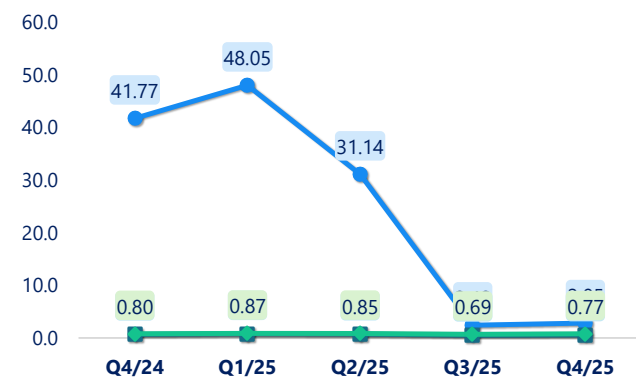
Tài sản dở dang Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,008	962	1,036	1,541	1,503
Tài sản ngắn hạn	538	494	567	616	583
Tiền và tương đương tiền	28.2	142	152	10.7	7.07
Đầu tư tài chính ngắn hạn	412	305	357	507	509
Phải thu ngắn hạn	92.2	34.8	35.9	47.5	58.4
Hàng tồn kho	5.35	10.4	21.4	48.7	7.19
Tài sản ngắn hạn khác	0.38	0.66	0.81	2.19	1.39
Tài sản dài hạn	470	468	470	926	920
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	23.3	22.3	23.2	477	469
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.23	0.52	0.01	1.41
Đầu tư tài chính dài hạn	445	445	445	445	446
Tài sản dài hạn khác	1.36	0.87	1.06	4.04	3.99
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	145	82.1	161	633	551
Nợ ngắn hạn	145	82.1	161	227	166
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.5	25.4	67.2	114	42.5
Phải trả người bán ngắn hạn	36.5	37.6	20.2	69.3	67.9
Nợ dài hạn	0.05	0	0	405	385
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	315	293
Nguồn vốn chủ sở hữu	862	880	876	908	952
Vốn chủ sở hữu	862	880	876	908	952
Vốn điều lệ	599	599	599	599	599
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)